

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

---

NGUYỄN NGỌC TRANG

**PHÁT TRIỂN NGUỒN NGUYÊN LIỆU GIẤY**  
**Ở TỈNH KON TUM CHO CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**TẬP ĐOÀN TÂN MAI**

Chuyên ngành: Quản trị kinh doanh  
Mã số: 60.34.05

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN TRỊ KINH DOANH**

Đà Nẵng – Năm 2011

**Công trình được hoàn thành tại**  
**ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

Người hướng dẫn khoa học: TS. ĐOÀN GIA DŨNG

Phản biện 1: GS.TS. Trương Bá Thanh

Phản biện 2: TS. Đỗ Ngọc Mỹ

**Luận văn đã được bảo vệ tại Hội đồng chấm Luận**  
**văn tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh họp tại Đại học**  
**Đà Nẵng vào ngày 10 tháng 10 năm 2011.**

**Có thể tìm hiểu luận văn tại:**

- Trung tâm Thông tin-Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Nguyên liệu luôn là yếu tố đầu vào có vai trò rất quan trọng quyết định sự thành công của doanh nghiệp. Không có nguyên liệu nhà máy hoạt động cầm chừng, hoặc phải đóng cửa dẫn đến lãng phí máy móc, thiết bị, công nhân mất việc làm, doanh nghiệp bị thua lỗ, thậm chí phá sản.

Tập đoàn Tân Mai đã khởi công xây dựng nhà máy bột và giấy tại huyện Đắk Tô, tỉnh Kon Tum có công suất 130.000 tấn bột, 200.000 tấn giấy mỗi năm. Khi đi vào hoạt động nhà máy có nhu cầu gỗ nguyên liệu rất lớn với khoảng 473.200 m<sup>3</sup> mỗi năm, liên quan đến vùng nguyên liệu khoảng 34.000 ha, chiếm khoảng 3,5% diện tích đất tự nhiên của tỉnh. Trong khi đó vùng nguyên liệu giấy hiện có ở tỉnh Kon Tum còn khoảng hơn 10.000 ha, đáp ứng được khoảng hơn 43% nhu cầu nguyên liệu của nhà máy mỗi năm và chỉ kéo dài được đến năm 2020.

Xuất phát từ những lý do nêu trên, tác giả chọn vấn đề “**Phát triển nguồn nguyên liệu giấy ở tỉnh Kon Tum cho Công ty cổ phần Tập đoàn Tân Mai**” để làm đề tài nghiên cứu cho Luận văn tốt nghiệp Cao học của mình.

### 2. Mục tiêu nghiên cứu của đề tài

- Hệ thống hóa những vấn đề lý luận cơ bản về nguyên vật liệu; phát triển nguồn nguyên liệu giấy.

- Đề xuất một số giải pháp phát triển nguồn nguyên liệu giấy của Công ty cổ phần Tập đoàn Tân Mai ở tỉnh Kon Tum.

### 3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- *Đối tượng nghiên cứu:* Các yếu tố kinh tế, xã hội, môi trường... liên quan đến việc phát triển nguồn nguyên liệu giấy ở tỉnh Kon Tum.

- *Phạm vi nghiên cứu:* Trên địa bàn 9 huyện, thành phố của tỉnh Kon Tum.

### 4. Phương pháp nghiên cứu

Đề tài được thực hiện dựa trên các phương thống kê và phân tích dữ liệu; phương pháp định tính, suy luận và kết hợp ý kiến chuyên gia.

### 5. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài

Giúp các cơ quan chức năng của tỉnh Kon Tum cũng như nhà đầu tư có cái nhìn đúng đắn về sự cần thiết và tính cấp bách của việc đầu tư phát triển nguồn nguyên liệu giấy (NLG) ở tỉnh Kon Tum.

## 6. Cấu trúc của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, tài liệu tham khảo và phụ lục, luận văn gồm 3 chương.

Chương 1: Một số lý luận cơ bản về nguyên vật liệu và phát triển nguồn nguyên liệu giấy

Chương 2: Công ty cổ phần Tập đoàn Tân Mai và thực trạng nguồn nguyên liệu giấy ở tỉnh Kon Tum

Chương 3: Giải pháp phát triển nguồn nguyên liệu giấy của Công ty cổ phần Tập đoàn Tân Mai ở tỉnh Kon Tum

## CHƯƠNG 1

### MỘT SỐ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ NGUYÊN VẬT LIỆU VÀ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGUYÊN LIỆU GIẤY

#### 1.1. TỔNG QUAN VỀ NGUYÊN VẬT LIỆU

##### 1.1.1. Khái niệm

Là đối tượng lao động đã được con người khai thác hoặc sản xuất, thường được sử dụng trực tiếp để tạo nên sản phẩm.

Là một bộ phận trọng yếu của quá trình sản xuất kinh doanh, chỉ tham gia vào một chu kỳ sản xuất kinh doanh nhất định, toàn bộ nguyên vật liệu được chuyển hết vào chi phí kinh doanh.

Là đối tượng lao động được thể hiện dưới dạng vật hóa, là một trong ba yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất, nó là một trong những thành phần chủ yếu trực tiếp cấu tạo nên thực thể của sản phẩm.

##### 1.1.2. Phân loại nguyên vật liệu

Phân loại nguyên vật liệu là sắp xếp nguyên vật liệu thành từng loại, từng nhóm khác nhau căn cứ vào tiêu chuẩn phân loại nhất định.

##### 1.1.3. Đặc điểm nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất kinh doanh

NVL chỉ tham gia một lần vào quá trình sản xuất sản phẩm.

NVL là một bộ phận của vốn kinh doanh (khoảng 40% đến 60% tổng vốn lưu động); thường chiếm tỷ trọng lớn trong toàn bộ chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm (từ 60% đến 80%).

NVL là những tài sản vật chất tồn tại dưới nhiều dạng khác nhau, phức tạp về tính chất lý hóa, dễ bị tác động của thời tiết, khí hậu và môi trường xung quanh nên cần phải được bảo quản nghiêm túc.

NVL là loại tài sản thường xuyên biến động nên doanh nghiệp phải thường xuyên tiến hành thu mua và dự trữ.

Chất lượng của NVL ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng sản phẩm, đến việc sử dụng hợp lý và tiết kiệm nguyên vật liệu, đến hiệu quả của việc sử dụng vốn... nên không thể sử dụng nguyên vật liệu kém chất lượng để làm ra sản phẩm.

## 1.2. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGUYÊN LIỆU GIẤY (NLG)

### 1.2.1. Một số khái niệm

Nguồn NLG là tập hợp các loại cây NLG có trong tự nhiên và do con người trồng để sẵn sàng cung ứng nguyên liệu đầu vào cho ngành công nghiệp chế biến bột và giấy.

Phát triển nguồn NLG là phát triển số lượng và chất lượng nguồn NLG hay nói cách khác là phát triển khả năng sẵn sàng cung ứng của nguồn NLG.

Bản chất của phát triển nguồn NLG là việc phát triển rừng NLG để cung cấp nguyên liệu đầu vào cho công nghiệp chế biến bột và giấy.

Theo Luật Bảo vệ và Phát triển rừng thì "Phát triển rừng là việc trồng mới rừng, trồng lại rừng sau khai thác, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh phục hồi rừng, cải tạo rừng nghèo và việc áp dụng các biện pháp kỹ thuật lâm sinh khác để tăng diện tích rừng, nâng cao giá trị đa dạng sinh học, khả năng cung cấp lâm sản, khả năng phòng hộ và các giá trị khác của rừng".

Vì vậy, có thể khái niệm phát triển nguồn nguyên liệu giấy là việc trồng mới rừng nguyên liệu giấy, trồng lại rừng nguyên liệu giấy sau khai thác, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh phục hồi rừng nguyên liệu giấy, cải tạo rừng nghèo và việc áp dụng các biện pháp kỹ thuật lâm sinh khác để

tăng diện tích, năng suất, khả năng cung cấp nguyên liệu và các giá trị khác của rừng nguyên liệu giấy.

### 1.2.2. Đặc trưng cơ bản của rừng nguyên liệu giấy

Được sử dụng chủ yếu để sản xuất, kinh doanh gỗ nguyên liệu và kết hợp phòng hộ, góp phần bảo vệ môi trường.

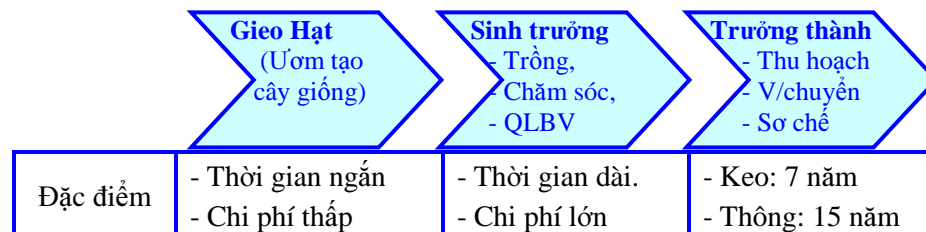
Có thể sản xuất ra nhiều loại hàng hóa và dịch vụ khác nhau ...

Cây rừng nguyên liệu giấy là loại cây trồng phát triển chậm, thời gian đầu tư thường kéo dài hàng thập kỷ (07 năm đối với cây keo và 15 – 20 năm đối với cây thông).

### 1.2.3. Giống cây, chu kỳ sinh trưởng và thời gian cho sản phẩm của rừng NLG

- Cần phải có những giống mới có thể tạo ra giá trị tăng thêm cho người dân và doanh nghiệp mới có thể kích thích được sự tham gia đầu tư phát triển nguồn nguyên liệu giấy.

- Chu kỳ sinh trưởng của cây nguyên liệu giấy là khoảng thời gian từ khi gieo hạt (ươm tạo cây giống), đưa cây giống vào trồng đến khi thu hoạch (khai thác). Và được chia làm các giai đoạn chính như sau: (1) Ươm tạo cây giống; (2) Sinh trưởng; (3) Trưởng thành (thu hoạch).



- Thời gian cho sản phẩm của cây keo lai giâm hom là 07 năm và thông ba lá là 15 năm.

### 1.2.4. Vai trò của rừng nguyên liệu giấy

#### 1.2.4.1. Cung cấp nguyên liệu đầu vào cho ngành công nghiệp chế biến

#### 1.2.4.2. Góp phần giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập, xóa đói giảm nghèo và thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu cây trồng, cơ cấu kinh tế

#### 1.2.4.3. Tăng độ che phủ rừng, bảo vệ môi trường, cân bằng sinh thái

## 1.2.5. Các chỉ tiêu đánh giá sự phát triển nguồn nguyên liệu giấy

### 1.2.5.1. Diện tích vùng nguyên liệu giấy (S)

Diện tích vùng nguyên liệu giấy được tính bằng đơn vị ha; quyết định chi phí đầu tư, giá thành trồng rừng nguyên liệu giấy, sản lượng gỗ nguyên liệu khai thác và quy mô công suất của nhà máy chế biến...

### 1.2.5.2. Năng suất rừng nguyên liệu giấy (W)

Năng suất là tổng giá trị của đầu ra (sản phẩm hay dịch vụ) được tạo ra từ quá trình đem chia cho tổng giá trị đầu vào (nguyên vật liệu, thiết bị, lao động,...).

$$\text{Công thức tính năng suất:} \\ \text{Năng suất (W)} = \frac{\text{Tổng đầu ra}}{\text{Tổng đầu vào}}$$

Công thức tính năng suất rừng NLG:

$$\text{Năng suất rừng NLG (W)} = \frac{\text{Sản lượng gỗ NLG khai thác (m}^3\text{)}}{\text{Diện tích rừng NLG khai thác (ha)}}$$

### 1.2.5.3. Sản lượng rừng

Sản lượng rừng nguyên liệu giấy là khối lượng sản phẩm chính của các loại cây nguyên liệu giấy thu được trong một chu kỳ khai thác.

Đơn vị tính của sản lượng (trữ lượng) là mét khối (m<sup>3</sup>).

Sản lượng = Diện tích (S) \* Năng suất (W)

## 1.2.6. Các nhân tố ảnh hưởng đến việc phát triển nguồn NLG

### 1.2.6.1. Các yếu tố bên ngoài

#### ➤ Đặc điểm sinh trưởng của cây nguyên liệu giấy

- Cây keo lai (*Acacia mangium x Acacia auriculiformis*)

Là loài cây mọc nhanh, thích hợp nhất ở vùng có nhiệt độ bình quân từ 21<sup>0</sup>C - 27<sup>0</sup>C, lượng mưa 1.400mm – 2.400mm; độ cao dưới 600m – 700m so với mặt nước biển; độ dốc dưới 15<sup>0</sup> – 20<sup>0</sup>, ít có gió mạnh; ưa tầng đất dày, ẩm mát, thoát nước, ít chua.

Có chu kỳ khai thác 07 năm.

- Cây thông ba lá (*Pinus kesiya Royle ex Gordon*)

Là loài cây trồng rừng tập trung thích hợp nơi có nhiệt độ trung bình 18<sup>0</sup>C – 22<sup>0</sup>C, lượng mưa 1.800mm – 2.500mm, kém chịu nóng, độ cao từ

700 – 800m so với mặt nước biển trở lên; đất có thành phần cơ giới từ thịt nhẹ đến trung bình, dày trên 50cm, thoát nước tốt.

Có chu kỳ khai thác từ 15 - 20 năm.

#### ➤ Điều kiện tự nhiên

Bao gồm các yếu tố về đất đai, nhiệt độ trung bình, độ cao, lượng mưa... của vùng phát triển nguyên liệu giấy.

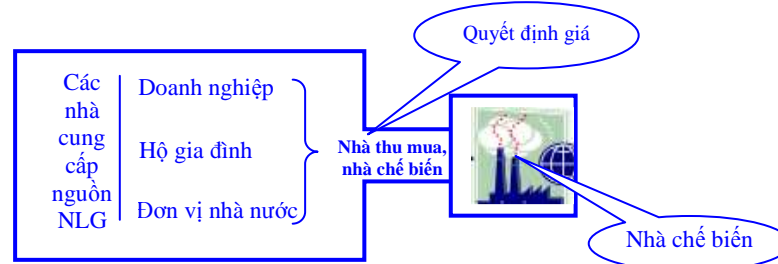
#### ➤ Các đặc điểm dân cư, xã hội vùng nguyên liệu giấy

Bao gồm các yếu tố về dân số, mật độ dân số, cơ cấu dân số, thu nhập và đặc điểm sản xuất... vùng nguyên liệu giấy.

#### ➤ Sự đồng thuận của chính quyền địa phương

Là sự ủng hộ, đồng tình của chính quyền địa phương trong việc phát triển nguồn nguyên liệu giấy; tạo điều kiện hết sức thuận lợi để doanh nghiệp hoạt động.

#### ➤ Giá cả của nguồn nguyên liệu giấy



Hình 1.1: Mô tả nhân tố quyết định giá nguyên liệu giấy

Trong cơ chế thị trường giá cả thường được điều chỉnh theo quy luật cung cầu. Nhưng thực tế hiện nay do số lượng nhà cung cấp nguồn nguyên liệu giấy nhiều, trong khi số lượng doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thu mua, chế biến ít nên giá cả NLG thường:

- Được quyết định bởi tư thương thu mua, các doanh nghiệp chế biến.

- Thấp hơn so với giá thực tế trên thị trường.

Điều này gây bất lợi cho người trồng rừng NLG.

#### ➤ Cự ly vận chuyển nguyên liệu (khoảng cách từ vùng nguyên liệu giấy đến nhà máy chế biến)

Cự ly vận chuyển thường được tính bằng đơn vị kilômét (km). Cự ly vận chuyển xa làm tăng chi phí đầu vào, đẩy giá thành sản phẩm lên cao.

### 1.2.6.2. Các yếu tố bên trong

#### ➤ Nguồn lực tài chính

- Trồng rừng NLG có suất đầu tư lớn.

- Thời gian đầu tư dài; rủi ro lớn do cháy, khô hạn, người dân lấn chiếm đất canh tác.

- Kinh phí giải tỏa đền bù cho người dân lớn.

Vì vậy những doanh nghiệp có nguồn lực về tài chính mạnh mới có khả năng trường vốn để đầu tư phát triển rừng nguyên liệu giấy.

#### ➤ Đặc điểm của hệ thống sản xuất của doanh nghiệp

Hệ thống sản xuất là hệ thống biến đổi các đầu vào thành các đầu ra hiệu quả.

Đặc điểm hệ thống sản xuất bao gồm quy mô nhà máy, công nghệ sử dụng... có ảnh hưởng lớn đến việc phát triển nguồn nguyên liệu giấy.

Nhà máy chế biến bột giấy là trung tâm để tiêu thụ và thu hút việc đầu tư phát triển nguồn NLG của các tổ chức, cá nhân hộ gia đình.

#### ➤ Kinh nghiệm của doanh nghiệp trong hoạt động trồng rừng nguyên liệu

Do suất đầu tư trồng rừng NLG lớn, chu kỳ đầu tư kéo dài và tiềm ẩn nhiều rủi ro nên chỉ có những doanh nghiệp có kinh nghiệm, truyền thống trong ngành trồng rừng mới có thể hoạt động tốt, các doanh nghiệp mới thành lập, chưa có kinh nghiệm rất khó xâm nhập ngành.

## 1.3. CHUỖI GIÁ TRỊ VÀ VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN NGUỒN NLG

### 1.3.1. Khái niệm chuỗi giá trị

Chuỗi giá trị là giá trị mà doanh nghiệp tạo ra được đo bằng khối lượng giá trị mà người mua sẵn sàng trả cho sản phẩm hay dịch vụ của doanh nghiệp đó.

### 1.3.2. Các loại chuỗi giá trị

- Chuỗi giá trị doanh nghiệp (chuỗi giá trị bên trong).

- Chuỗi giá trị toàn cầu (chuỗi giá trị ngành).

#### 1.3.2.1. Chuỗi giá trị doanh nghiệp (bên trong)

Là hệ thống các hoạt động, giao dịch, và mối quan hệ mô tả quá trình một hàng hóa hoặc dịch vụ được thu mua, sản xuất và phân phối.

Sản phẩm đi qua các hoạt động của các chuỗi theo thứ tự và tại mỗi hoạt động sản phẩm thu được một số giá trị nào đó.

Theo Porter, chuỗi giá trị của một doanh nghiệp bao gồm các hoạt động chính và các hoạt động hỗ trợ tạo nên lợi thế cạnh tranh khi được cấu hình một cách thích hợp.

Việc thu mua NLG giấy để cung cấp cho nhà máy chế biến hoạt động (sản xuất) chính là yếu tố mang lại giá trị cho doanh nghiệp. Hoạt động thu mua không đảm bảo, không có nguyên liệu để sản xuất, chuỗi giá trị bên trong của doanh nghiệp bị ách tắc, sản xuất bị đình trệ.

#### 1.3.2.2. Chuỗi giá trị toàn cầu (ngành)

Chuỗi giá trị toàn cầu là tập hợp các hoạt động, các chủ thể tham gia chuỗi giá trị để tạo ra giá trị sản phẩm cuối cùng lớn hơn giá trị mong đợi của khách hàng.

Chuỗi giá trị toàn cầu đối với ngành giấy có sự khác biệt với chuỗi giá trị toàn cầu hàng công nghiệp khác là ở các điểm:

- Khâu thiết kế nằm trong khâu R&D và khâu sản xuất là trồng trọt và chế biến;

- Giá trị gia tăng được tạo ra trong khâu chế biến cao hơn so với khâu trồng trọt;

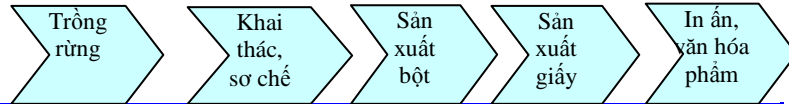
- Sự phân bố địa điểm trồng trọt phụ thuộc rất nhiều vào điều kiện khí hậu và tự nhiên;

- Tính không đồng đều giữa các tác nhân tham gia vào chuỗi và độ lớn của mỗi chuỗi bị hạn chế do các rào cản khi tham gia.

### 1.3.3. Phân tích chuỗi giá trị ngành giấy

Phân tích chuỗi giá trị thực chất là phân tích việc phát triển các chính sách và sự phối hợp các nguồn lực một cách hiệu quả.

Nếu người tiêu dùng cuối cùng là các nhà in ấn, các cửa hàng văn hóa phẩm,... thì chuỗi giá trị giấy bao gồm các khâu chính: (1) Trồng rừng; (2) Khai thác, sơ chế; (3) Sản xuất bột giấy; (4) sản xuất giấy.



Đặc điểm	- Phân tán - Trãi rộng - Nhiều chủ thể tham gia (hộ gia đình, doanh nghiệp...)	- Tập trung theo khu vực. - Có sự tham gia của tư thương, nhà chế biến nhỏ	Sản xuất tập trung, quy mô lớn	Phân tán Nhiều chủ thể tham gia (hộ gia đình, doanh nghiệp...)	Người tiêu dùng cuối cùng
Tỷ trọng tạo ra giá trị	10%	15%	45%	20%	10%
Giá trị tích lũy	10%	25%	70%	90%	100%

Hình 1.3: Chuỗi giá trị sản phẩm giấy

Xu thế hiện nay cho thấy các nước công nghiệp phát triển tập trung chủ yếu vào ngành công nghiệp sản xuất bột giấy. Ngược lại, các nước nông nghiệp, đang phát triển như Việt Nam có lợi thế về đất đai, điều kiện tự nhiên thuận lợi nhưng tập trung vào khâu khai thác, sơ chế để xuất khẩu dăm mảnh là chủ yếu.

Trong những năm gần đây, ngành công nghiệp giấy Việt Nam đã có sự phát triển mạnh mẽ ở tất cả các khâu trong chuỗi giá trị của nó. Tuy nhiên, việc phân bổ giá trị không đồng đều giữa những thành phần tham gia chuỗi giá trị đã tạo nên sự phát triển chưa bền vững của ngành giấy. Trong khi ngành trồng rừng có nhiều tiềm năng phát triển nhưng người trồng rừng lại có mức sinh lợi thấp. Ngược lại, tỷ suất sinh lợi của các công ty chế biến bột và giấy khá cao nên ngày càng có nhiều tổ chức, cá nhân đổ xô vào đầu tư, nâng cấp mở rộng quy mô nhà máy chế biến.

## TIÊU KẾT CHƯƠNG 1

## CHƯƠNG 2 CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TÂN MAI VÀ THỰC TRẠNG NGUỒN NLG Ở TỈNH KON TUM

### 2.1. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN TÂN MAI

#### 2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển

Thành lập năm 1958, đến năm 2006 cổ phần hóa với số vốn điều lệ 348 tỷ đồng. Trải qua quá trình phát triển đến nay chính thức mang tên là Công ty cổ phần tập đoàn Tân Mai và có vốn điều lệ hơn 780 tỷ đồng vào cuối năm 2010.

**2.1.2. Chức năng:** Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu các loại giấy; Trồng rừng nguyên liệu giấy, trồng cây cao su và các loại cây công nghiệp; Kinh doanh khách sạn và các dịch vụ khác.

#### 2.1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu các loại giấy, các sản phẩm từ giấy, nguyên liệu giấy, dăm mảnh, bột giấy, hóa chất, vật tư thiết bị, phụ tùng ngành giấy.

- Trồng rừng nguyên liệu giấy.
- Trồng cao su và các loại cây công nghiệp, cây lâm nghiệp khác.
- Gia công in ấn các loại tập vở, sách, tạp chí, bao bì nhãn hiệu.
- Kinh doanh cảng sông, bến bãi, kho bãi.
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, khu sinh thái.

....

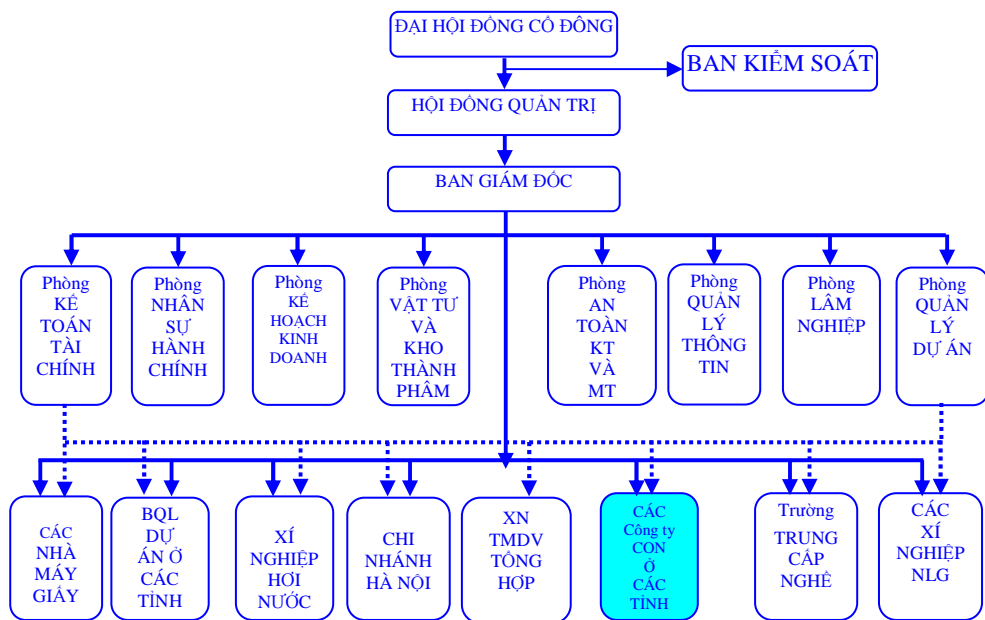
#### 2.1.4. Sản phẩm kinh doanh chủ yếu

Sản phẩm chủ lực của công ty là giấy in báo, giấy tráng phân với sản lượng 45.000 tấn/năm; ngoài ra công ty cũng đã sản xuất được giấy in, giấy viết, giấy photocopy, giấy màu và giấy carton.

#### 2.1.5. Tổ chức và bộ máy quản lý

**2.1.5.1. Tổ chức:** Hiện tại, công ty có 14 đơn vị thành viên, 04 ban quản lý dự án và hệ thống phân phối khắp cả nước là điều kiện để công ty quảng bá thương hiệu, giới thiệu sản phẩm đến khách hàng.

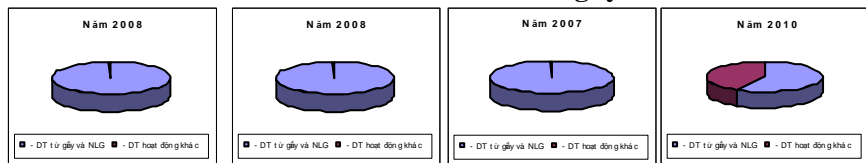
**2.1.5.2. Bộ máy quản lý:** Bộ máy của công ty được tổ chức theo mô hình trực tuyến - chức năng.



**Ghi chú:**  
 → Quan hệ chỉ đạo  
 ..... → Quan hệ chức năng

Hình 2.2: Sơ đồ bộ máy tổ chức Công ty cổ phần Tập đoàn Tân Mai

### 2.1.6. Tình hình sản xuất kinh doanh của công ty



Hình 2.3: Sơ đồ tỷ trọng doanh thu từ giấy và NLG của công ty qua các năm

Tỷ trọng doanh thu từ giấy và nguyên liệu giấy của công ty chiếm đa số với hơn 99% tổng doanh thu toàn công ty. Điều đó có nghĩa, công ty đang theo đuổi chiến lược tăng trưởng tập trung vào ngành sản xuất kinh doanh giấy và nguyên liệu giấy, các nguồn lực khác như nguồn nhân lực, nguồn lực tài chính... của công ty cũng được tập trung chủ yếu vào hoạt động của hai lĩnh vực này.

### 2.1.7. Tình hình các nguồn lực của công ty

#### 2.1.7.1. Nguồn nhân lực

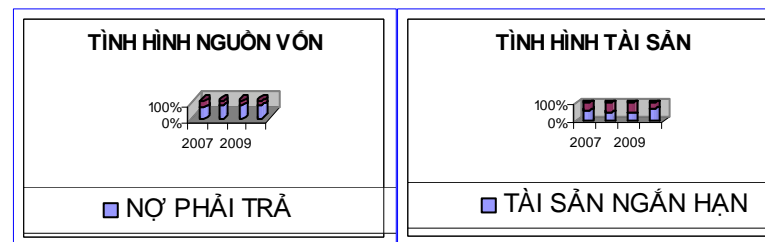
Tổng số lao động đến cuối năm 2010 là 1.928 người, trong đó lao động có trình độ từ đại học trở lên là 392 người, chiếm 20,3%.

Tuy nhiên, việc phân bổ nguồn nhân lực thực hiện dự án trồng rừng, sản xuất giấy ở các tỉnh, đặc biệt là dự án ở Kon Tum còn quá mỏng với 26 người (bằng 1,3% tổng số cán bộ, công nhân viên của công ty), trong khi đó khối lượng công việc lớn.

#### 2.1.7.2. Nguồn lực tài chính

Công ty cổ phần Tập đoàn Tân Mai là đơn vị có tiềm lực về tài chính mạnh, khả năng huy động vốn nhanh, sản xuất kinh doanh có lãi qua các năm.

Tuy nhiên, nguồn vốn của công ty được hình thành từ nợ, chủ yếu là từ vốn vay ngân hàng, gấp gần 5 lần so với vốn chủ và chiếm 79% trên tổng nguồn vốn.



Hình 2.4: Sơ đồ tình hình tài sản và nguồn vốn của công ty từ 2007-2010

#### 2.1.7.3. Cơ sở vật chất

Do đặc thù hoạt động sản xuất, kinh doanh nên nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị chiếm gần 73% giá trị tài sản cố định hữu hình.

Công ty đang đầu tư xây dựng 03 nhà máy bột và giấy với qui mô lớn ở các tỉnh Đồng Nai, Quảng Ngãi, Kon Tum và dự kiến sẽ khởi công xây dựng Nhà máy bột và giấy Tân Mai Lâm Đồng công suất 200.000 tấn bột/năm trong năm 2011, nâng tổng công suất sản xuất toàn công ty lên 560 tấn bột/năm và 690 tấn giấy/năm vào năm 2015.

### 2.1.8. Tình hình phát triển nguồn nguyên liệu giấy của công ty

#### 2.1.8.1. Diện tích và tuổi bình quân vùng nguyên liệu giấy của công ty

Hiện tại công ty có hơn 22.308 ha rừng NLG đang sinh trưởng và phát triển ổn định. Gồm 11.326,4 ha thông ba lá được trồng từ năm 1998

đến nay, độ tuổi bình quân khoảng 10 năm và 10.981,6 ha keo được trồng từ năm 2002 đến nay, độ tuổi bình quân khoảng hơn 3 năm.



Hình 2.5: Sơ đồ phân bố vùng NLG hiện tại của công ty

### 2.1.8.2. Năng suất và sản lượng khai thác vùng NLG hiện tại của công ty

- Năng suất gỗ tía thưa cây Thông ba là khoảng 45 m<sup>3</sup>/ha.
- Năng suất gỗ khai thác chính cây keo hoảng 150 m<sup>3</sup>/ha.

Bảng 2.6: Năng suất, sản lượng vùng nguyên liệu hiện có của công ty

TT	Loại cây	Diện tích (ha)	Năng suất (m <sup>3</sup> /ha)	Sản lượng (m <sup>3</sup> )	Nhu cầu nhà máy (m <sup>3</sup> /năm)	Khả năng đáp ứng (%)
1	Thông tia thưa	1.081	45	48.645		
2	Keo lai giâm hom	837	150	125.550		
<b>Tổng cộng</b>		<b>1.918</b>		<b>174.195</b>	<b>364.000</b>	<b>47,9</b>

(Nguồn: Công ty cổ phần Tập đoàn Tân Mai)

Sản lượng khai thác vùng nguyên liệu hiện tại của công ty chỉ đáp ứng được khoảng 47,9% nhu cầu của nhà máy, 52,1% nhu cầu nguyên liệu còn lại phải mua từ bên ngoài. Vì vậy, việc đầu tư phát triển vùng nguyên liệu giấy hiện nay và trong thời gian tới của công ty là cần thiết.

### 2.1.8.3. Khoảng cách vùng nguyên liệu giấy hiện tại so với nhà máy chế biến của công ty

- Nơi gần nhất là vùng NLG ở tỉnh Đồng Nai có khoảng cách đến nhà máy chế biến khoảng 30-50km.
- Nơi xa nhất là Quảng Ngãi với khoảng hơn 900 km.

## 2.2. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TÂN MAI VÀ VIỆC MỞ RỘNG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÔNG TY Ở TỈNH KON TUM

### 2.2.1. Chiến lược của công ty đến năm 2020

Chiến lược kinh doanh của công ty từ nay đến năm 2020 là chiến lược tăng trưởng tập trung.

- Thứ nhất, tập trung nguồn lực phát triển ngành Giấy và NLG đạt mức tăng trưởng 25%/năm giai đoạn từ nay đến năm 2020 và doanh thu từ 2 ngành này đạt trên 90%/năm.

- Để tăng trưởng ngành giấy công ty hội nhập ngược chiều. Đầu tư vùng nguyên liệu ở các địa phương có tiềm năng phát triển vùng NLG như Lâm Đồng, Quảng Ngãi, Kon Tum, Đắk Lắk...

- Dự kiến đến năm 2020, công ty phát triển diện tích vùng nguyên liệu giấy tăng 9 lần và sản xuất bột tăng 7,3 lần so với năm 2010.

Bảng 2.7: Diện tích và năng suất sản xuất của công ty đến năm 2020

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2010	Năm 2020	Tăng so với năm 2010 (lần)
1	DT rừng NLG	ha	22.300	200.000	9,0
2	Sản xuất bột	tấn/năm	100.000	730.000	7,3
3	Sản xuất giấy	tấn/năm	140.000	790.000	5,6

(Nguồn: Công ty cổ phần Tập đoàn Tân Mai)

### 2.2.2. Lý do và dự kiến đầu tư của Công ty cổ phần Tập đoàn Tân Mai vào tỉnh Kon Tum

#### 2.2.2.1. Lý do đầu tư vào tỉnh Kon Tum

- Thứ nhất, Kon Tum là tỉnh có lợi thế về đất rừng và tài nguyên rừng lớn nhất cả nước, đứng thứ 3 trên 63 tỉnh, thành với 650.297 ha, chiếm 67,2% diện tích đất tự nhiên của tỉnh.

Bảng 2.8: Diện tích rừng và đất lâm nghiệp tỉnh Kon Tum

TT	Loại đất, loại rừng	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
<b>Tổng diện tích đất lâm nghiệp</b>		<b>650.297</b>	<b>100,0</b>
1	Rừng đặc dụng	87.505	13,5
2	Rừng phòng hộ	164.446	25,3
3	Rừng sản xuất	398.346	61,3
-	Đất đã có rừng	332.442	83,5
-	Đất lâm nghiệp chưa có rừng có thể trồng cây NLG	65.904	16,5

(Nguồn: Quyết định 698/QĐ-UBND ngày 01-7-2009 của UBND tỉnh Kon Tum)



- Thứ hai, áp lực dân số và mật độ dân số chưa cao: Mật độ dân số ở Kon Tum thấp, khoảng 46 người/km<sup>2</sup>, thấp hơn 5,7 lần so với mật độ dân số cả nước và thấp hơn 2 lần so với mật độ dân số của khu vực các tỉnh Tây Nguyên. Cứ 01 người dân Kon Tum có thể sở hữu hơn 2 ha đất, nhiều khu vực như xã Mô Rai, huyện Sa Thầy thì con số này có thể cao hơn gấp nhiều lần.

- Thứ ba, thu nhập bình quân đầu người thấp khoảng 13,4 triệu đồng/người/năm, bằng 59% mức thu nhập bình quân đầu người cả nước và 85,5% mức thu nhập bình quân đầu người của khu vực Tây Nguyên.

- Thứ tư, sự đồng thuận của chính quyền địa phương: Cấp ủy, chính quyền các

cấp từ tỉnh đến cơ sở rất ủng hộ việc đầu tư phát triển vùng NLG gắn với nhà máy chế biến của Công ty cổ phần Tập đoàn Tân Mai ở Kon Tum:

+ Cấp giấy chứng nhận đầu tư nhanh, trong vòng chưa đầy 01 tháng sau khi có đề nghị của công ty.

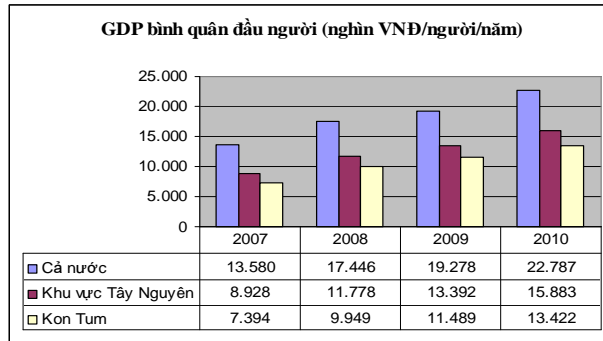
+ Ban hành nhiều văn bản có tính chủ trương cao để chỉ đạo các ngành, các địa phương trong tỉnh tạo điều kiện, phối hợp cùng công ty trong việc đầu tư xây dựng nhà máy và phát triển vùng nguyên liệu giấy.

#### 2.2.2.2. Dự kiến đầu tư nhà máy bột và giấy ở Kon Tum

- Tập đoàn Tân Mai đã khởi công xây dựng nhà máy bột và giấy ở Kon Tum có công suất 130.000 tấn bột BCTMP và 200.000 tấn giấy với tổng mức đầu tư hơn 1.890 tỷ đồng.

Sản phẩm đầu ra của nhà máy là hàng năm cung cấp ra thị trường khoảng 200.000 tấn giấy in và giấy viết cao cấp để phục vụ nhu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

Nhà máy được khởi công xây dựng vào đầu năm 2010 và dự kiến đi vào hoạt động vào cuối năm 2012.



## 2.3. ĐÁNH GIÁ VÙNG NLG HIỆN CÓ Ở TỈNH KON TUM

### 2.3.1. Diện tích và sự phân bố vùng nguyên liệu giấy hiện có

Vùng NLG hiện có ở tỉnh Kon Tum còn khoảng hơn 10.400 ha và được phân bố trên địa bàn 43 xã của 07 huyện nhưng tập trung chủ yếu ở các huyện Sa Thầy, Đăk Tô và Tu Mơ Rông, với gần 7.000 ha, chiếm hơn 66% diện tích rừng nguyên liệu giấy hiện có.

### 2.3.2. Tuổi bình quân và thời gian cho sản phẩm của vùng nguyên liệu giấy hiện có

Tuổi bình quân vùng nguyên liệu giấy ở tỉnh Kon Tum hiện nay khoảng 9,5 năm tuổi đối với cây thông, có khả năng cung cấp gỗ tía thưa vào năm 2012 và 3,5 năm tuổi đối với cây keo có khả năng cung cấp gỗ vào năm 2012 nhưng sản lượng không đáng kể.

### 2.3.3. Đặc điểm giống cây, năng suất, sản lượng và khả năng đáp ứng nhu cầu nhà máy của vùng nguyên liệu giấy hiện có

- Giống cây NLG: Chủ yếu là cây Thông ba lá, Keo lai giâm hom.

- Năng suất: Keo lai giâm hom khoảng 110m<sup>3</sup>/ha/chu kỳ; Thông ba lá: tía thưa khoảng 25 m<sup>3</sup>/ha (10 năm tuổi) và 150 m<sup>3</sup>/ha khi khai thác chính (15 năm tuổi).

- Khả năng đáp ứng nhu cầu nhà máy của vùng NLG ở Kon Tum khoảng 43,4% nhưng cũng chỉ kéo dài được đến năm 2020.

### 2.3.4. Khoảng cách vùng nguyên liệu giấy hiện có đến địa điểm đặt nhà máy ở Kon Tum

Vùng nguyên liệu giấy hiện có ở Kon Tum có cự ly vận chuyển đến nhà máy khoảng từ 50 – 120 km, nơi gần nhất từ 50-70 km và xa nhất từ 80-120 km.

## TIỂU KẾT CHƯƠNG 2

### CHƯƠNG 3

#### **GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN NGUỒN NGUYÊN LIỆU GIẤY CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TÂN MAI Ở TỈNH KON TUM**

#### **3.1. YÊU CẦU ĐỐI VỚI VIỆC PHÁT TRIỂN NGUỒN NGUYÊN LIỆU GIẤY Ở TỈNH KON TUM**

##### **3.1.1. Đảm bảo đủ số lượng, chất lượng, chủng loại và quy cách**

Đây là yêu cầu về chất của công tác phục vụ, nghĩa là bên cạnh việc cung cấp kịp thời nguồn nguyên liệu cho nhà máy hoạt động thì đòi hỏi nguồn nguyên liệu phải được cung cấp đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng, chủng loại và qui cách để nhà máy hoạt động hết công suất đã được thiết kế.

##### **3.1.2. Đảm bảo cung cấp kịp thời nguồn nguyên liệu cho nhà máy hoạt động**

Tính kịp thời là yêu cầu về mặt lượng của sản xuất, phải luôn đảm bảo nguyên liệu cho sản xuất không để xảy ra tình trạng thiếu nguyên liệu, làm cho sản xuất bị gián đoạn.

##### **3.1.3. Chi phí cung cấp nguồn nguyên liệu phù hợp**

- Chi phí cung cấp nguồn nguyên liệu quá cao sẽ trực tiếp tác động và đẩy giá thành sản phẩm bột và giấy tăng cao, làm giảm tính cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường.

- Ngược lại chi phí cung cấp nguồn nguyên liệu quá thấp sẽ không kích thích được sự tham gia của nhà cung cấp và người dân tham gia trồng rừng phát triển nguồn nguyên liệu giấy.

Vì vậy yêu cầu về chi phí cung cấp nguồn nguyên liệu phải hợp lý.

#### **3.2. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN NGUỒN NGUYÊN LIỆU GIẤY CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TÂN MAI Ở TỈNH KON TUM**

##### **3.2.1. Phương án thiết kế mục tiêu**

**3.2.1.1. Phương án 1: Thiết kế mục tiêu dựa trên quỹ đất hiện có ở tỉnh Kon Tum có thể trồng rừng nguyên liệu giấy**

**3.2.1.2. Phương án 2: Thiết kế mục tiêu dựa trên quy mô công suất thiết kế và định mức tiêu hao nguyên liệu của nhà máy ở Kon Tum của công ty**

##### **3.2.1.3. Lựa chọn phương án thiết kế mục tiêu**

Nhằm khai thác tiềm năng về quỹ đất hiện có ở Kon Tum và hạn chế khả năng lãng phí máy móc thiết bị, tác giả chọn phương án thiết kế mục tiêu theo phương án 2.

##### **3.2.2. Mục tiêu phát triển**

**3.2.2.1. Mục tiêu tổng quát:** Khai thác và sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên về đất đai, nguồn lao động rẻ để đầu tư phát triển vùng nguyên liệu giấy tập trung, chuyên canh, đảm bảo cung cấp đủ nhu cầu nguyên liệu gỗ đầu vào cho nhà máy giấy của công ty ở Kon Tum hoạt động thường xuyên, liên tục, hiệu quả theo đúng công suất thiết kế.

**3.2.2.2. Mục tiêu cụ thể:** Giai đoạn 2011-2015: Trồng mới 34.000 ha rừng nguyên liệu giấy, để có thể cung ứng đủ 473.200 m<sup>3</sup> gỗ nguyên liệu mỗi năm cho nhà máy của công ty ở Kon Tum hoạt động thường xuyên, liên tục theo đúng công suất thiết kế.

#### **3.3. XÁC ĐỊNH VÙNG PHÁT TRIỂN NGUYÊN LIỆU GIẤY**

➤ Các yếu tố xác định vùng phát triển NLG ở Kon Tum:

- Diện tích tiềm năng có thể phát triển rừng nguyên liệu hiện nay ở Kon Tum bao nhiêu, phân bố chủ yếu ở khu vực nào (chương 2).

- Qui mô nhà máy bột và giấy của công ty ở Kon Tum như thế nào (chương 2).

- Thời gian sinh trưởng và thu hoạch của các loại cây trồng rừng nguyên liệu giấy (chương 1): Cây thông ba lá là 15-20 năm; Cây keo lai là 07 năm.

➤ Vùng phát triển rừng NLG trong thời gian tới chủ yếu tập trung ở các huyện Đăk Glei, Tu Mơ Rông, Kon Plông, Kon Rẫy, Sa Thầy.

Bảng 3.2: Diện tích vùng dự kiến phát triển NLG phân theo đơn vị hành chính

Đơn vị tính: Ha

TT	Huyện, thành phố	Diện tích tự nhiên	Diện tích có thể phát triển NLG			Tỷ lệ so với đất tự nhiên (%)
			Đất rừng sản xuất chưa có rừng	Đất dự phòng	Tổng	
1	Huyện Đăk Glei	149.241	8.296	10.427	18.723	12,5
2	Huyện Kon Plông	137.965	1.664	8.115	9.779	7,1
3	Huyện Kon Rẫy	90.884	7.873	9.291	17.164	18,9
4	Huyện Sa Thầy	240.834	6.329	17.248	23.577	9,8
5	Huyện Tu Mơ Rông	85.718	2.415	2.463	4.878	5,7
<b>Tổng</b>		<b>704.642</b>	<b>26.577</b>	<b>47.544</b>	<b>74.121</b>	

### 3.4. PHÂN TÍCH CÁC ĐẶC TRƯNG CƠ BẢN VÙNG PHÁT TRIỂN NLG

#### 3.4.1. Đặc trưng cơ bản về khí hậu, đất đai, thổ nhưỡng

Vùng phát triển nguyên liệu giấy vừa có đặc điểm chung của khí hậu nhiệt đới gió mùa Việt Nam vừa có đặc điểm khí hậu cao nguyên nhiệt đới. Nhiệt độ trung bình năm từ 18-23<sup>0</sup>C; lượng mưa hàng năm khá phong phú và giao động từ 1.400mm – 2.500mm; độ ẩm trung bình từ 82% – 87%; mùa khô kéo dài dài từ tháng 12 năm trước đến tháng 5 năm sau, nhiệt độ trung bình từ 20,5<sup>0</sup>C - 23,5<sup>0</sup>C.

Vùng này có tổng diện tích đất tự nhiên là 746.205 ha, chiếm hơn 77% diện tích đất tự nhiên của tỉnh.

#### 3.4.2. Các cây trồng hiện có và khả năng tranh chấp giữa các loại cây trồng này với cây nguyên liệu giấy

Hiện nay, cây trồng nhiều nhất ở vùng này là cây sắn. Đây là loại cây phát triển rất nhanh về diện tích trong những năm gần đây và cũng là cây có khả năng tranh chấp đất canh tác cao nhất với cây NLG.

Từ năm 2008 đến nay diện tích rừng nguyên liệu giấy ở tỉnh Kon Tum tăng không đáng kể, thậm chí trong năm 2010 không tăng. Trong khi đó diện tích cây sắn liên tục tăng (tăng gấp 2,5 lần so với năm 2000 và tăng 1.938 ha so với năm 2007).

#### 3.4.3. Đặc điểm về giá đất vùng phát triển nguyên liệu giấy

- Giá đất do nhà nước ban hành không sát với giá thị trường và còn tương đối thấp, khoảng từ 18 – 31 triệu đồng/ha, trong khi đó giá đất thực tế trên thị trường tăng rất cao.

- Thời gian tới giá đất ở vùng NLG còn tiếp tục tăng cao do nhu cầu sử dụng đất canh tác của người dân ngày càng tăng.

#### 3.4.4. Đặc điểm dân số và điều kiện sinh sống người dân vùng NLG

- Hầu hết, dân số sống ở vùng này là người đồng bào dân tộc thiểu số với khoảng hơn 13.000 người (chiếm hơn 3% dân số của tỉnh).

- Mật độ dân số vùng này tương đối thấp (16 người/km<sup>2</sup>) và phân bố không đồng đều.

- Cuộc sống người dân vùng này chủ yếu dựa vào nương rẫy, phương thức canh tác lạc hậu... nên thu nhập thấp và không ổn định.

- Mặt bằng dân trí thấp, tập quán canh tác lạc hậu, tình trạng du canh vẫn còn xảy ra, phát nương làm rẫy là đặc điểm sản xuất chung của đa số dân cư vùng này.

#### 3.4.5. Những thách thức khi chuyển đổi sang vùng nguyên liệu giấy

- Chi phí đền bù nương rẫy cho người dân vùng nguyên liệu giấy là rất cao, hơn 650 tỷ đồng.

- Khả năng cháy rừng vào mùa khô là rất lớn.

- Sự đồng thuận của người dân vùng nguyên liệu giấy.

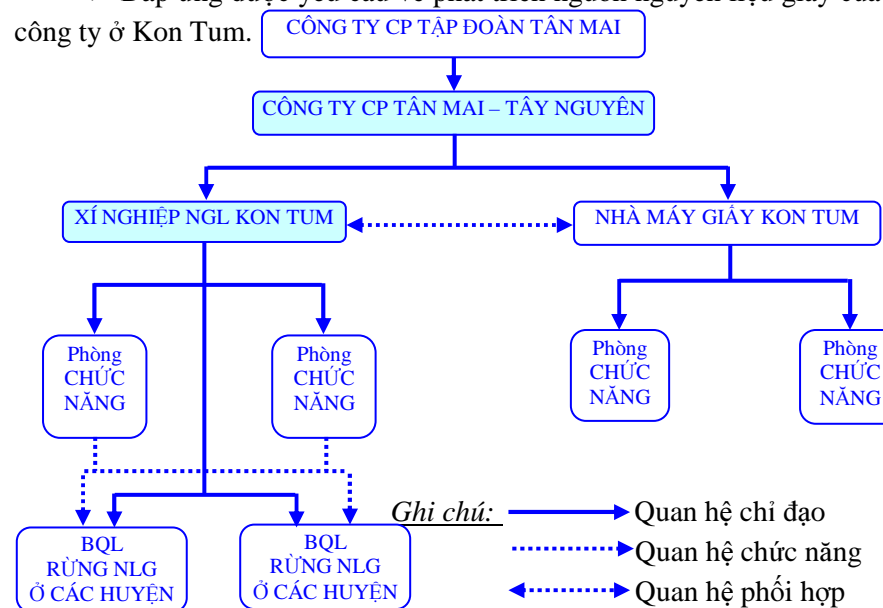
- Khả năng tranh chấp đất dành cho cây nguyên liệu giấy với các cây trồng khác là rất thấp.

### 3.5. GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN NGUỒN NLG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TÂN MAI Ở TỈNH KON TUM

#### 3.5.1. Xây dựng bộ máy của công ty ở tỉnh Kon Tum đủ mạnh để thực hiện nhiệm vụ phát triển nguồn NLG

##### 3.5.1.1. Thành lập xí nghiệp NLG ở Kon Tum trực thuộc Công ty cổ phần Tân Mai Tây Nguyên

➤ Đáp ứng được yêu cầu về phát triển nguồn nguyên liệu giấy của công ty ở Kon Tum.



Hình 3.2: Sơ đồ dự kiến bộ máy tổ chức Xí nghiệp NLG Kon Tum

➤ Giúp công ty công ty điều hành, tổ chức thực hiện mọi hoạt động liên quan đến việc phát triển nguồn nguyên liệu giấy của công ty ở Kon Tum.

➤ Giảm áp lực công việc dồn về công ty, tăng tính linh hoạt trong việc ra quyết định kịp thời.

### **3.5.1.2 Xác định mối quan hệ giữa xí nghiệp NLG Kon Tum với Công ty cổ phần Tân Mai – Tây Nguyên và Nhà máy giấy Kon Tum**

- Mối quan hệ giữa công ty cổ phần Tân Mai – Tây Nguyên với Xí nghiệp NLG Kon Tum và Nhà máy giấy Kon Tum là mối quan hệ của mô hình công ty mẹ - công ty con.

- Mối quan hệ giữa xí nghiệp NLG Kon Tum với Nhà máy giấy Kon Tum là mối quan hệ phối hợp.

### **3.5.2. Gắn kết người dân với việc phát triển vùng nguyên liệu giấy**

- Làm tốt công tác cổ động tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức của người dân về vai trò, vị trí và tầm quan trọng cũng như hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường của rừng NLG.

- Vận động người dân vùng dự án thực hiện định canh định cư ổn định, đổi mới phương thức canh tác, thực hiện thâm canh, hướng dẫn và đưa các giống cây NLG mới cho nhân dân sản xuất.

- Gắn trách nhiệm và bảo đảm quyền lợi thỏa đáng, hợp lý, lâu dài cho người dân vùng dự án bằng các hoạt động, chính sách cụ thể.

- Tiếp nhận con em người dân vùng nguyên liệu vào làm việc lâu dài và được hưởng các chế độ như những đối tượng lao động khác.

- Tạo điều kiện để người dân vùng nguyên liệu được tham gia nhiều hơn vào việc phát triển vùng nguyên liệu giấy.

### **3.5.3. Hỗ trợ người dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng theo hướng phát triển nguồn nguyên liệu giấy**

- Cho người dân vay vốn để khai hoang, phục hóa những khu đất lâu nay không được canh tác, bỏ hoang hoặc đã bạc màu sang trồng cây NLG.. khi nhà máy thu mua mới thực hiện khấu trừ nợ của người dân.

- Hỗ trợ vật tư, cây giống và hướng dẫn kỹ thuật để người dân trồng rừng nguyên liệu giấy.

- Hỗ trợ lương thực trong thời gian kiến thiết cơ bản. Đồng thời, hướng dẫn người dân trồng thâm canh các cây ngắn ngày trên đất trồng rừng NLG để tăng thu nhập, lấy ngắn nuôi dài.

- Cam kết và thực hiện đúng cam kết với người dân về vấn đề tiêu thụ sản phẩm đầu ra là cây nguyên liệu giấy sau khi người dân thu hoạch.

### **3.5.4. Thực hiện tốt việc áp giá đền bù đất và phương án góp vốn của người dân vào công ty**

- Phát huy hơn nữa vai trò của các già làng, trưởng bản và vai trò làm chủ gia đình của người phụ nữ đồng bào dân tộc thiểu số.

- Tăng tính cam kết của doanh nghiệp và thực hiện tốt cơ chế bảo đảm lợi ích bền vững, hợp lý của người dân vùng dự án.

- Thực hiện tốt công tác di dân tái định cư cho những hộ dân phải di dời đến nơi ở khác để nhường đất cho dự án.

- Ưu tiên nhận những hộ dân phải di dời đến nơi ở khác, những hộ dân trong vùng dự án vào làm việc lâu dài trong công ty và được hưởng các chế độ như những đối tượng lao động khác.

- Có phương án để người dân vùng phát triển nguyên liệu tham gia góp vốn cùng chia sẻ lợi ích, trách nhiệm với doanh nghiệp.

### **3.5.5. Giải pháp về giống cây nguyên liệu giấy**

- Thành lập trung tâm hoặc bộ phận chuyên nghiên cứu tuyển chọn, lai tạo và tiến hành trồng khảo nghiệm các giống cây nguyên liệu giấy mới trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

- Hợp tác với các trung tâm, các viện khoa học (Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam) để tiến hành nghiên cứu, khảo nghiệm, chuyển giao các giống cây nguyên liệu giấy có năng suất cao, thích nghi được với điều kiện khí hậu thổ nhưỡng ở Kon Tum.

- Tăng cường hợp tác với các tổ chức quốc tế về giống cây nguyên liệu giấy để tiến hành nhập ngoại, trồng khảo nghiệm trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

### **3.5.6. Tăng cường liên kết với các công ty TNHH một thành viên lâm nghiệp các huyện, thành phố của tỉnh, các doanh nghiệp trồng rừng nguyên liệu giấy trong và ngoài tỉnh để cung ứng nguyên liệu cho nhà máy hoạt động**

- Nhằm tranh thủ và huy động nguồn nguyên liệu sẵn; huy động quỹ đất sử dụng kém hiệu quả, quỹ đất trống các đơn vị này đang quản lý cũng như nguồn lực, công nghệ, kinh nghiệm...

- Tiến hành liên kết với các công ty, tập đoàn kinh tế nước ngoài hoạt động trong lĩnh vực trồng rừng, cung ứng nguồn nguyên liệu giấy để tranh thủ nguồn lực tài chính, chuyển giao giống, công nghệ, kỹ thuật và phương pháp điều hành, quản trị doanh nghiệp.

### **3.5.7. Phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật vùng nguyên liệu giấy**

- Thực hiện lồng ghép nhiều chương trình dự án trên cùng địa bàn để huy động nguồn vốn tập trung đầu tư hạ tầng kỹ thuật nông thôn ...

- Nhà nước cần có chính sách hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp để đầu tư phát triển hạ tầng cơ sở kỹ thuật vùng nguyên liệu giấy. Hàng năm cần dành một phần vốn ngân sách thỏa đáng để đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật nông thôn, nhất là hạ tầng về giao thông.

- Huy động sự đóng góp của nhân dân theo hình thức nhà nước, doanh nghiệp và nhân dân cùng làm.

- Huy động nguồn vốn viện trợ, đóng góp của các nhà hảo tâm, các tổ chức quốc tế .... để phát triển hạ tầng kỹ thuật.

### **3.5.8. Nâng cấp chuỗi giá trị sản phẩm giấy**

#### **3.5.8.1. Phát triển thị trường tiêu thụ**

#### **3.5.8.2. Làm cho người dân hưởng ứng kế hoạch phát triển nguồn NLG của công ty**

#### **3.5.8.3. Làm tốt công tác thông tin thị trường, giá cả**

## **TIỂU KẾT CHƯƠNG 3**

## **KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

### **1. Kết luận**

Từ việc phân tích tình hình sản xuất kinh doanh của công ty, thực trạng vùng nguyên liệu giấy hiện có ở Kon Tum (phân tích Chương 2) và các đặc trưng cơ bản vùng dự kiến phát triển nguồn nguyên liệu giấy (phân tích ở Chương 3), tác giả đã đề ra một số giải pháp để phát triển nguồn nguyên liệu giấy ở tỉnh Kon Tum. Hy vọng những giải pháp này sẽ giúp công ty phát triển được vùng nguyên liệu giấy ở tỉnh Kon Tum trong thời gian tới, bảo đảm cung cấp đủ nhu cầu nguyên liệu cho nhà máy của công ty ở Kon Tum hoạt động bền vững, hiệu quả, góp phần *“xây dựng tỉnh Kon Tum cơ bản thoát nghèo vào năm 2015”* (Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Kon Tum lần thứ XIV).

### **2. Kiến nghị**

#### **2.1. Đối với tỉnh Kon Tum**

Chỉ đạo tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân, để người dân coi cây NLG là cây hàng hóa, dễ trồng và mang lại hiệu quả cao và đưa vào cơ cấu cây trồng tại địa phương.

#### **2.2. Đối với doanh nghiệp và ngành giấy**

- Doanh nghiệp cần thực hiện tốt vai trò bà đỡ, hỗ trợ vốn, cây giống và giúp nhân dân thực hiện các quy trình kỹ thuật trồng, chăm sóc quản lý bảo vệ, thu mua sản phẩm của nhân dân.

- Hiệp hội giấy Việt Nam tổ chức nhiều hội nghị, diễn đàn khoa học tổng kết thực tiễn để giúp nhân dân thấy rõ vai trò, hiệu quả của cây NLG, tự giác chuyển đổi, đưa cây NLG vào trồng.

#### **2.3. Đối với ngân hàng và các tổ chức tín dụng**

Tạo điều kiện để doanh nghiệp được vay vốn với lãi suất ưu đãi, mức cho vay phải bằng 90 – 100% tổng vốn đầu tư để hỗ trợ nhằm khuyến khích các doanh nghiệp tham gia trồng rừng.